TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 2, đường DT 749, ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Nguyễn Minh T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 4, ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có bản tự khai trình bày:

Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 22/2016, ngày 12/9/2016.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà riêng ở xã Đ, khoảng vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi vả ông T1 không lo làm ăn, ông Tuấn không tôn trọng bà T nên tình cảm không còn, hiện tại bà Thúy và ông T1 không còn chung sống với nhau, bà T đã chuyển về xã L, huyện B sinh sống. Do đó, bà T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T1.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T1 và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N sinh ngày 22/9/2017, hiện tại bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, bà T yêu cầu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện từ khi ly hôn đến con 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 17/8/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, bà không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng ông T1 không đến. Tòa án tiến hành thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T1 nhưng ông không đến nên cũng không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T1 cũng không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Công an xã Đ, huyện B cho biết: Ông Nguyễn Minh T1 có đăng ký thường trú tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương, ông vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng mặt không đến tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiếp tục thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và có thông báo cho ông T1 biết việc bà Nguyễn Thị Thanh T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T1 cũng không có ý kiến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã Đ và nơi cư trú nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh T1 không có văn bản chấp nhận hay phản đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và không thông báo lý do vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt, Toà án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung: Bà T và ông T1 kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp, cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T kiên quyết ly hôn, bà T có nguyện vọng nuôi con chung và hiện tại con chung đang sống cùng bà T, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin

ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 hiện đang cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án tổ chức lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T1 cũng không đến làm việc. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn, cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Minh T1 sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh T, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do ông T1 không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông T1 không lo cho kinh tế của gia đình, bỏ đi vài ngày mới về, một mình bà T đi làm để nuôi con, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng. Hiện tại, bà T và ông T1 không còn chung sống cùng nhau, bà T đã chuyển về huyện B sinh sống và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1 để được tự do làm ăn, ổn định sinh sống, nuôi con.

[4] Ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xét thấy bị đơn không có thiện chí mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương xã Đ, huyện B thì ông T1 đang có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án thông báo về việc bà T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng ông vẫn không đến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

[5] Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T1, bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn với ông Nguyễn Minh T1, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T1 và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 22/9/2017 hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện từ khi được ly hôn đến con 18 tuổi. Xét thấy, tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng ngày 17/8/2022 của bà T, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Minh Tuấn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với con chung là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 22/9/2017. Ông Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà

Nguyễn Thị Thanh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010029 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng